

Số: 308/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách Trung ương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Công văn số 8542/BKHĐT-TH ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Công văn số 8678/BKHĐT-TH ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Xét Tờ trình số 3229/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương; Báo cáo thẩm tra số 392/BC-BKTNS ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương là 2.394,25 tỷ đồng, cụ thể như sau:

1. Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 903,813 tỷ đồng.

a. Vốn trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư: 475,813 tỷ đồng, cụ thể:

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 18,7 tỷ đồng; phân bổ cho dự án thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và vốn chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2026 - 2030.

- Vốn thực hiện dự án: 379,369 tỷ đồng; phân bổ cho 03 dự án hoàn thành; 06 dự án chuyển tiếp; 02 dự án khởi công mới; Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương; vốn đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia, hỗ trợ ngân hàng chính sách; bổ sung vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Gia Lai.

- Các dự án chưa phân bổ chi tiết: 77,744 tỷ đồng.

b. Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 428 tỷ đồng.

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.296,337 tỷ đồng, cụ thể:

a. Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư từ nguồn thu năm 2024 là: 504,55 tỷ đồng.

Phân bổ cho 02 dự án hoàn thành; 06 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024 và 02 dự án chuyển tiếp, đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia; xử lý huy thu vốn chuẩn bị đầu tư và các dự án huy thu năm 2019 - 2020.

b. Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 745,45 tỷ đồng.

c. Nguồn kết dư tiền sử dụng đất: 46,337 tỷ đồng.

3. Vốn xổ số kiến thiết: 189,5 tỷ đồng, trong đó:

Phân bổ cho 01 dự án hoàn thành năm 2024 và 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành, đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

4. Bội chi ngân sách: 4,6 tỷ đồng.

(Kèm theo biểu số 1, 2 và phụ lục 1, 2, 3, 4, 5)

Điều 2. Thống nhất phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương là 1.727,587 tỷ đồng, cụ thể:

1. Vốn trong nước (các ngành, lĩnh vực, chương trình): 1.691,32 tỷ đồng; trong đó:

- Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 909,760 tỷ đồng, phân bổ cho 02 dự án chuyển tiếp hoàn thành; 17 dự án chuyển tiếp và 05 dự án khởi công mới.
- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 781,56 tỷ đồng.

2. Vốn nước ngoài đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: 36,267 tỷ đồng.

(Kèm theo biểu 3, 4 và phụ lục 4.1, 4.2)

Điều 3: Thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn đối với các dự án nguồn ngân sách địa phương sang năm 2024: 07 dự án cấp tỉnh quản lý và 04 dự án cấp huyện quản lý.

(Kèm theo biểu 5)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ Mười lăm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *VS*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.

 **CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Niên



Biểu 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KH năm 2024 TW dự kiến (543/BC-CP ngày 11/10/2023; 8678/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023)	Kế hoạch năm 2024 tỉnh Gia Lai
	Tổng số	4.036.000	4.121.837
1	Vốn ngân sách địa phương	2.308.413	2.394.250
a.	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	903.813	903.813
-	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư		475.813
-	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí huyện, thị xã, thành phố đầu tư		428.000
b.	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.250.000	1.296.337
	Trong đó:		
-	Đầu tư từ tiền sử dụng đất năm 2024		1.250.000
-	Nguồn kết dư tiền sử dụng đất		46.337
c.	Vốn xổ số kiến thiết	150.000	⁽¹⁾ 189.500
	Trong đó:		
-	Số thu XSKT năm 2024		165.000
-	Kết dư vốn XSKT năm 2023		24.500
d.	Bội chi ngân sách địa phương	4.600	4.600
2	Vốn ngân sách trung ương	1.727.587	1.727.587
a	Vốn trong nước	1.691.320	1.691.320
-	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	909.760	909.760
	Trong đó:		
+	Đầu tư dự án trọng điểm, liên kết vùng	200.000	200.000
-	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	781.560	781.560
	Trong đó:		

STT	Nguồn vốn	KH năm 2024 TW dự kiến (543/BC-CP ngày 11/10/2023; 8678/BKHĐT-TH ngày 13/10/2023)	Kế hoạch năm 2024 tỉnh Gia Lai
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	410.517	410.517
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	79.328	79.328
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới	291.715	291.715
b	Vốn nước ngoài	36.267	36.267
	Trong đó:		
+	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới	36.267	36.267

Handwritten signature



Biểu 2
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		KH năm 2024 tính giao		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư		Tổng số vốn ĐTC trung hạn		Tổng số vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		Tổng số vốn năm 2024 tính giao			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		
	TỔNG SỐ					8.940.177	7.413.177	3.634.948	3.548.718	2.394.250	2.394.250		
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ (A1+A2)					4.178.971	3.551.971	1.897.235	1.811.005	903.813	903.813		
A.1	Vốn trong cân đối theo tiêu chí tình quyết định đầu tư (I+II+III)					2.038.971	1.411.971	613.235	527.005	475.813	475.813		
I	Vốn chuẩn bị đầu tư					116.762	116.762	-	-	18.700	18.700		
1	Vốn đối ứng Dự án thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	2401/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	1.093.469	360.270	116.762	116.762			13.700	13.700	UBND thành phố Pleiku	Giao cho UBND tỉnh giao chi tiết cho các dự án CBDT giai đoạn 2026 - 2030 (theo hướng dẫn tại Văn bản số 542/BKHDT- TH ngày 13/10/2023 của Bộ KHDĐT)
2	Vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026 - 2030									5.000	5.000		
II	Vốn thực hiện dự án (III+II.2+II.3+II.4+II.5)					1.922.209	1.295.209	613.235	527.005	379.369	379.369		
II.1	Quốc phòng					80.000	80.000	15.200	15.200	30.000	30.000	-	
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					80.000	80.000	15.200	15.200	30.000	30.000		

(Handwritten signature)

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		KH năm 2024 tính giao		Chú đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn NSDP)	Trong đó: vốn NSDP					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	Sh07	Gia Lai	5357/QĐ-BCH ngày 19/7/2021	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	7.610	7.610	15.000	15.000	Bộ CHQS tỉnh	
2	Sh06	Gia Lai	5356/QĐ-BCH ngày 19/7/2021	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	7.590	7.590	15.000	15.000	Bộ CHQS tỉnh	
II.2	Khoa học công nghệ						30.000	30.000	15.440	15.440	13.620	13.620		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024						20.000	20.000	10.180	10.180	9.820	9.820		
1	Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin khoa học công nghệ phục vụ cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)	Pleiku	175/QĐ-SKHCN ngày 20/8/2021	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	10.180	10.180	9.820	9.820	Sở Khoa học Công nghệ	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						10.000	10.000	5.260	5.260	3.800	3.800		
1	Điều tra, bảo tồn một số loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên bảo vệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Gia Lai	320/QĐ-CCKL ngày 15/7/2021; 221/QĐ-SKHĐT ngày 29/12/2022	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	5.260	5.260	3.800	3.800	Chi cục Kiểm lâm	
II.3	Bảo vệ môi trường						50.000	50.000	15.570	15.570	20.000	20.000		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						50.000	50.000	15.570	15.570	20.000	20.000		
1	Hồ thỉ trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh	Chư Păh	383/QĐ-UBND ngày 29/6/2021; 564/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	89.500	50.000	50.000	50.000	50.000	15.570	15.570	20.000	20.000	UBND huyện Chư Păh	
II.4	Các hoạt động kinh tế (II.4.1+II.4.2+II.4.3)			469.000	63.000	63.000	1.707.709	1.080.709	561.325	475.095	295.209	295.209		
II.4.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			469.000	63.000	63.000	1.340.709	713.709	454.775	368.545	231.660	231.660		

Handwritten signature/initials

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư						Kế hoạch vốn DTC trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023				KH năm 2024 tính giao				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024			469.000	63.000	190.000	63.000	114.670	28.440	21.660	21.660											
1	Các dự án Bảo vệ và phát triển rừng	Gia Lai	496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	424.000	33.000	160.000	33.000	93.330	7.100	13.000	13.000							Sở NN&PTNT				
2	Đầu tư xây dựng phục vụ quản lý bảo vệ rừng và phát triển vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	Kbang	17/QĐ-KBT ngày 28/6/2021	45.000	30.000	30.000	30.000	21.340	21.340	8.660	8.660							BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng				
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					1.150.709	650.709	340.105	340.105	210.000	210.000											
1	Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025	Các huyện, thị xã, thành phố	280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	1.000.000	500.000	1.000.000	500.000	320.410	320.410	90.000	90.000							UBND các huyện, thị xã, thành phố				
2	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia					150.709	150.709	19.695	19.695	120.000	120.000							UBND các huyện, thị xã, thành phố	Có biểu 4 kèm theo			
II.4.2	Giao thông					250.000	250.000	46.550	46.550	26.549	26.549											
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					250.000	250.000	46.550	46.550	26.549	26.549											
1	Đường nội thị thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	85/QĐ-UBND ngày 30/6/2021; 1090/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	130.000	130.000	130.000	130.000	46.550	46.550	26.549	26.549							UBND thị xã Ayun Pa	Kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2025 do hức nguồn cần đối ứng chi			
2	Cải tạo nút giao thông Phú Đồng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	194/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	120.000	120.000	120.000	120.000											BQL các DA ĐTXĐ tỉnh	Ứng từ quỹ phát triển đất để thực hiện công tác đền bù			

(Signature)

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn DTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		KH năm 2024 tính giao		Chủ đầu tư	Chí chủ
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
II.4.3	Cấp vốn điều lệ cho các NS chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài NS; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã					117.000	117.000	60.000	60.000	37.000	37.000		
1	Chỉ cho ngân hàng chính sách					100.000	100.000	60.000	60.000	20.000	20.000	Chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai	Bố trí 20 tỷ đồng/năm
2	Cấp vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Gia Lai		173/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	17.000	17.000	17.000	17.000			17.000	17.000	Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Gia Lai	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 chấp thuận cơ cấu tổ chức và tăng vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Gia Lai (cấp đủ vốn điều lệ)
II.5	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.					54.500	54.500	5.700	5.700	20.540	20.540		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024					14.500	14.500	4.960	4.960	9.540	9.540		

28

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư								Chức năng đầu tư	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn ĐYT trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		KH năm 2024 tính giao			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSDP
I	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và cải tạo nhà khách cũ thành trụ sở làm việc của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	Pleiku	68/QĐ-VP ngày 09/12/2022	14.500	14.500	14.500	14.500	4.960	4.960	9.540	9.540	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	
(2)	Dự án khởi công mới năm 2024					40.000	40.000	740	740	11.000	11.000		
I	Trụ sở UBND huyện Chư Păh	Chư Păh	01/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	24.000	20.000	20.000	20.000	390	390	6.000	6.000	UBND huyện Chư Păh	
2	Trụ sở HĐND và UBND huyện Kông Chro	Kông Chro	738/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	24.000	20.000	20.000	20.000	350	350	5.000	5.000	UBND huyện Kông Chro	
III	Chưa phân bổ chi tiết (1)									77.744	77.744		
A.2	Vốn trong cân đối theo tiêu chí huyện, thị xã, thành phố quyết định đầu tư					2.140.000	2.140.000	1.284.000	1.284.000	428.000	428.000		Có phụ lục 1 kèm theo
B	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (B.1+B.2)					4.547.814	3.647.814	1.517.043	1.517.043	1.296.337	1.296.337		
B.1	Tiền sử dụng đất đầu tư năm 2024 (I+II)					4.547.814	3.647.814	1.517.043	1.517.043	1.250.000	1.250.000		
I	Tiền sử dụng đất tính đầu tư (I.1+I.2+I.3+I.4+I.5)					2.154.254	1.254.254	271.577	271.577	504.550	504.550		Các dự án chi được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn

24

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn DTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Luỹ kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		KH năm 2024 tính giao		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP								
I.1	Vốn chưa phân bổ chi tiết ⁽²⁾									127.418	127.418		
I.2	Quốc phòng					51.650	51.650	22.594	22.594	21.239	21.239		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					51.650	51.650	22.594	22.594	21.239	21.239		
1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đức Cơ, Ia Grai	413/QĐ-QK ngày 21/3/2022	51.650	51.650	51.650	51.650	22.594	22.594	21.239	21.239	Bộ CHQS tỉnh	Chi được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn
I.3	Các hoạt động kinh tế (I.3.1+I.3.2)					2.086.604	1.186.604	240.478	240.478	209.952	209.952		
I.3.1	Giao thông					1.693.000	793.000	240.478	240.478	191.244	191.244		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024					373.000	373.000	240.478	240.478	127.922	127.922		
1	Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Chư Păh	489/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	90.000	90.000	90.000	90.000	55.000	55.000	35.000	35.000	UBND huyện Chư Păh	Dự án hoàn thành năm 2024. Chi được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn.
2	Đường phía Đông thị trấn Nham Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Chư Pưh	488/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 894/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	70.000	70.000	70.000	70.000	35.000	35.000	35.000	35.000	UBND huyện Chư Pưh	Dự án hoàn thành năm 2024. Chi được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KII năm 2023				KII năm 2024 tính giao		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)													
3	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	An Khê	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 622/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; 1021/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	20.000	20.000	10.000	10.000	UBND thị xã An Khê	Dự án này kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024 (do năm 2023 tình hình thu được tiền sử dụng đất). Chỉ được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn.			
4	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	486/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000	82.478	82.478	41.522	41.522	UBND thành phố Pleiku	Dự án này kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024 (do năm 2023 tình hình thu được tiền sử dụng đất). Chỉ được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn.			
5	Đường giao thông kết nối thị trấn Chư ly đến xã Ia Dók, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	470/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; 588/QĐ-UBND ngày 05/11/2022	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	48.000	48.000	6.400	6.400	UBND huyện Đức Cơ	Dự án này kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024 (do năm 2023 tình hình thu được tiền sử dụng đất). Chỉ được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn.			
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024					1.320.000	420.000	-	-	-	-	63.322	63.322					

(Handwritten signature)

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn DTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		KH năm 2024 tính giao		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	Cải tạo nút giao thông Phù Đổng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	194/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	120.000	120.000	120.000	120.000			43.000	43.000	BQL các DA ĐTXD tỉnh	Khi chưa được Sở Tài chính nhập vốn thì ứng từ Quỹ phát triển đất để triển khai
2	Đường hành lang kinh tế phía Đông (dường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai	Pleiku, Đak Đoa, Chư Păh	1143/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.200.000	300.000	1.200.000	300.000	-	-	20.322	20.322	BQL các dự án ĐTXD tỉnh	Số vốn còn thiếu ứng từ Quỹ phát triển đất để triển khai
I.3.2	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			-	-	393.604	393.604	-	-	18.708	18.708		
I	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia					393.604	393.604			18.708,0	18.708	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Chi tiết thanh toán vốn năm 2023 có phụ lục 3 kèm theo.
I.4	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.					16.000	16.000	8.505	8.505	7.495	7.495		
(I)	Các dự án hoàn thành năm 2024					16.000	16.000	8.505	8.505	7.495	7.495		
I	Trụ sở làm việc các Ban quản lý rừng phòng hộ	Krông Pa, Chư Păh, Đak Đoa	276/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 255/QĐ-SKHĐT ngày 02/12/2021	12.000	12.000	12.000	12.000	8.325	8.325	3.675	3.675	Ban QL các dự án ĐTXD tỉnh	Dự án này kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024 (do năm 2023 tỉnh không thu được tiền sử dụng đất). Chi được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn.

Handwritten signature/initials

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KR năm 2023		KH năm 2024 tính giao		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP									
2	Hạt kiểm lâm huyện Dak Doa	Dak Doa	275/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 257/QĐ-SKHDT ngày 06/12/2021; 186/QĐ-SKHDT ngày 14/11/2022	4.000	4.000	4.000	4.000	180	180	3.820	3.820	Ban QL các dự án DTXD tỉnh	Dự án này kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024 (do năm 2023 tình hình không thu được tiền sử dụng đất). Chỉ được triển khai khi có nguồn thu và được Sở Tài chính nhập vốn.	
1.5	Xử lý hạt thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023 và các dự án đầu tư năm 2019 - 2020					-	-	-	-	138.446	138.446			
1	Vốn chuẩn bị đầu tư									13.710	13.710		Có phụ lục 4 kèm theo	
2	Các dự án năm 2019 - 2020									124.736	124.736,0		Có phụ lục 5 kèm theo	
II	Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư					2.393.560	2.393.560	1.245.466	1.245.466	745.450	745.450	-	Phụ lục 2 kèm theo	
B2	Nguồn kết dư tiền sử dụng đất									46.337	46.337			
1	Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai (thực thu năm 2019)		455/QĐ-UBND ngày 01/10/2019; 786/QĐ-UBND ngày 08/8/2023							5.437,041	5.437,041		Bỏ trí để trả nợ	
2	Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính (hạt thu năm 2020)		455/QĐ-UBND ngày 01/10/2019; 786/QĐ-UBND ngày 08/8/2023							20.825,862	20.825,862		Bỏ trí để hoàn trả vốn ngân sách	
3	Vốn chưa phân bổ (3)									20.074,097	20.074,097			

28

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		KH năm 2024 tính giao		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT					213.392	213.392	111.770	111.770	189.500	189.500		
C1	Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2024					213.392	213.392	111.770	111.770	165.000	165.000		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					6.000	6.000	330	330	5.670	5.670		
(I)	Dự án khởi công mới hoàn thành năm 2024					6.000	6.000	330	330	5.670	5.670		
I	Trường THPT Trường Chinh, huyện Chư Sê		220/QĐ-SKHĐT ngày 29/12/2022	6.000	6.000	6.000	6.000	330	330	5.670	5.670	BQL các dự án ĐTXD tỉnh	
II	Y tế, dân số và gia đình					73.292	73.292	28.153	28.153	45.139	45.139	-	
(I)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành					73.292	73.292	28.153	28.153	45.139	45.139		
I	Khu xạ trị và trang thiết bị - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Pleiku	447/QĐ-UBND ngày 11/4/2023	73.292	73.292	73.292	73.292	28.153	28.153	45.139	45.139	Sở Y tế	
III	Các hoạt động kinh tế			-	-	134.100	134.100	83.287	83.287	30.000	30.000		
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi			-	-	134.100	134.100	83.287	83.287	30.000	30.000		
(I)	Dự án khởi công mới năm 2024			-	-	134.100	134.100	83.287	83.287	30.000	30.000		
I	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới					134.100	134.100	83.287	83.287	30.000	30.000	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Có Biểu 4 kèm theo
IV	Vốn chưa phân bổ (4)									84.191	84.191		

Handwritten signature/initials

TT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư						Chú đầu tư	Ghi chú			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023				KH năm 2024 tình giao		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	
C2	Vốn kết dư tiền xỏ số trước thiết (5)									24.500	24.500		
D	Bội chi ngân sách						108.900	108.900	4.600	4.600		Sở Tài chính tham mưu phân bổ vốn	

Ghi chú: (1) Đầu tư dự án Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025 (5 tỷ đồng). Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số (72,744 tỷ đồng). Chi được giao vốn năm 2024 cho dự án khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư công.

(2). Vốn tiền sử dụng dài năm 2024 đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính từ nguồn kết dư tiền sử dụng đất (127,418 tỷ đồng). Chi được giao vốn năm 2024 cho dự án khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư công.

(3). Nguồn kết dư tiền sử dụng đất đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính từ nguồn kết dư tiền sử dụng đất (20.074,097 triệu đồng). Chi được giao vốn năm 2024 cho dự án khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư công.

(4). Đầu tư xây dựng bệnh viện 331 (29,191 tỷ đồng). Xây dựng mới và trang thiết bị y tế cho Khối phụ - sản của Bệnh viện Nhi (20 tỷ đồng). Trung tâm y tế huyện Kbang (8 tỷ đồng); 08 dự án đầu tư xây dựng trụ sở công an xã phức tạp về an ninh trật tự (27 tỷ đồng); Chi được giao vốn năm 2024 cho dự án khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư công.

(5). Đầu tư dự án xây dựng hệ thống E-learning (24,5 tỷ đồng); chi được giao vốn năm 2024 cho dự án khi đánh giá được hiệu quả của dự án và được HĐND tỉnh thông qua.





Phụ lục 1

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ
HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ ĐẦU TƯ NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	2.140.000	1.284.000	428.000	
1	Thành phố Pleiku	271.840	163.104	54.368	
2	Thị xã An Khê	115.370	69.222	23.074	
3	Thị xã Ayun Pa	115.385	69.231	23.077	
4	Huyện Kbang	116.130	69.678	23.226	
5	Huyện Đak Đoa	125.585	75.351	25.117	
6	Huyện Chư Păh	115.695	69.417	23.139	
7	Huyện Ia Grai	123.815	74.289	24.763	
8	Huyện Mang Yang	110.440	66.264	22.088	
9	Huyện Kông Chro	127.250	76.350	25.450	
10	Huyện Đức Cơ	106.770	64.062	21.354	
11	Huyện Chư Prông	141.845	85.107	28.369	
12	Huyện Chư Sê	152.915	91.749	30.583	
13	Huyện Đăk Pơ	81.185	48.711	16.237	
14	Huyện Ia Pa	107.980	64.788	21.596	
15	Huyện Krông Pa	132.055	79.233	26.411	
16	Huyện Phú Thiện	98.475	59.085	19.695	
17	Huyện Chư Pưh	97.265	58.359	19.453	

28

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH TIỀN SỬ DÙNG ĐẤT NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐTV: triệu đồng

STT	Đơn vị	Số thu năm 2024	Thu tiền sử dụng đất năm 2024 (phần cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi)	Chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền SDD	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác	Tiền sử dụng đất sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	Kế hoạch đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng số	1.372.000	1.372.000	137.200	122.000	1.112.800	1.250.000	
I	CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	855.143	867.450	9.782	122.000	735.668	745.450	
1	Pleiku	460.000	506.271	9.227	61.828	435.216	444.443	
2	An Khê	75.000	67.500		15.000	52.500	52.500	
3	Ayun Pa	13.769	12.392			12.392	12.392	
4	Chư Păh	25.000	22.500		-	22.500	22.500	
5	Chư Prông	10.000	9.000			9.000	9.000	
6	Chư Pưh	10.000	10.900	190	3.830	6.880	7.070	
7	Chư Sê	50.000	45.000		15.548	29.452	29.452	
8	Đak Pơ	8.000	7.200		1.000	6.200	6.200	
9	Đức Cơ	84.374	79.587	365	4.169	75.053	75.418	
10	Đa Grai	35.000	31.500		11.000	20.500	20.500	
11	Đa Pa	2.000	1.800		-	1.800	1.800	
12	Kbang	8.000	7.200		1.000	6.200	6.200	
13	Kông Chro	2.500	2.250		500	1.750	1.750	
14	Krông Pa	11.500	10.350		3.105	7.245	7.245	
15	Mang Yang	14.000	12.600		2.020	10.580	10.580	
16	Phù Thiện	6.000	5.400			5.400	5.400	
17	Đak Đoa	40.000	36.000		3.000	33.000	33.000	
II	TIỀN SỬ DÙNG ĐẤT CỦA TỈNH	516.857	504.550	127.418		377.132	504.550	

Ghi chú: Tiền sử dụng đất điều tiết về cho huyện, thị xã, thành phố là 97,821 tỷ đồng; trong đó: Huyện Đức cơ 3,65 tỷ đồng; huyện Chư Pưh 1,9 tỷ đồng; TP Pleiku 92,271 tỷ đồng



Phụ lục 3

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGUỒN VỐN TIỀN SỬ DUNG ĐẤT NĂM 2023 HỤT THU, GIẢM VỐN NĂM 2023 VÀ BỐ TRÍ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐTV: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Giảm vốn kế hoạch năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
	TỔNG SỐ	25.305	18.708	
I	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	18.708	18.708	
1	Huyện Ia Grai	415	415	
2	Huyện Phú Thiện	1.274	1.274	
3	Huyện Kbang	1.590	1.590	
4	Huyện Ia Pa	1.431	1.431	
5	Huyện Kông Chro	522	522	
6	Huyện Krông Pa	915	915	
7	Huyện Chư Prông	3.523	3.523	
8	Huyện Chư Păh	1.114	1.114	
9	Huyện Chư Sê	1.054	1.054	
10	Huyện Chư Pưh	1.010	1.010	
11	Huyện Đak Đoa	1.470	1.470	
12	Huyện Đức Cơ	1.187	1.187	
13	Huyện Đak Pơ	1.031	1.031	
14	Huyện Mang Yang	1.718	1.718	
15	Thành phố Pleiku	20	20	
16	Thị xã An Khê	-	-	
17	Thị xã Ayun Pa	434	434	
II	Vốn chưa phân bổ năm 2023	6.597		

Phụ lục 4

BẢNG MỨC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HẾT THU, GIẢM VỐN NĂM 2023 VÀ BỔ TRÍ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Giảm vốn kế hoạch năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
I	Tiền sử dụng đất				1.244.000	1.236.000	13.710	13.710		
1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đức Cơ, Ia Grai	2022-2025	10180/QĐ-BCH ngày 15/12/2021	51.650	51.650	1.530	1.530	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
2	Xây dựng bệnh viện 331	Pleiku	2024-2026	326/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	300.000	300.000	1.840	1.840	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	2023-2024	197/QĐ-SKHDT ngày 27/9/2021	53.000	45.000	120	120	Sở Tài nguyên Môi trường	

[Handwritten signature]

STT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Giảm vốn kế hoạch năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư		Trong đó: NSDP				
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số					
4	Đường nội thị thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Ia Grai	2023-2025	835/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	40.000	40.000	570	570	UBND huyện Ia Grai	
5	Đường Lê Thánh Tôn (đoạn từ Trường Chính trị đến Trường Lâm nghiệp), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	2024-2026	2340/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	160.000	160.000	1.140	1.140	UBND thành phố Pleiku	
6	Đường nội thị thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Kông Chro	2024-2026	37/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	90.000	90.000	940	940	UBND huyện Kông Chro	
7	Đường giao thông huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	2024-2026	287/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	80.000	80.000	530	530	UBND huyện Krông Pa	
8	Đường giao thông huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Chư Prông	2024-2026	1426/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	75.000	75.000	800	800	UBND huyện Chư Prông	
9	Đường giao thông huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	2024-2026	1466/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	70.000	70.000	510	510	UBND huyện Đak Đoa	7/

78

STT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Giảm vốn kế hoạch năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
10	Đường giao thông huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	2024-2026	240/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	70.000	70.000	1.580	1.580	UBND huyện Phú Thiện	
11	Đường liên xã huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai	Đăk Pơ	2024-2026	1318/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	70.000	70.000	1.710	1.710	UBND huyện Đăk Pơ	
12	Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	2024-2026	1099/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	66.000	66.000	580	580	UBND huyện Mang Yang	
13	Đường nội thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ia Pa	2024-2026	212/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	60.000	60.000	570	570	UBND huyện Ia Pa	
14	Nâng cấp, mở rộng Đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	2025-2026	1183/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	35.000	35.000	360	360	UBND huyện Đức Cơ	
15	Đường giao thông quy hoạch Tây sông Ba, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Kbang	2025-2026	244/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	35.000	35.000	390	390	UBND huyện Kbang	

78



Phụ lục 5
MỤC CÁC DỰ ÁN HƯT THU NĂM 2019, 2020 NGUỒN TIỀN SỬ DÙNG ĐẤT, GIẢM VỐN NĂM 2023 VÀ BỎ TRÍ NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Giảm vốn kế hoạch năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP				
A	Bỏ trí từ nguồn thu sử dụng đất năm 2024								
I	Năm 2019					124.735,029	124.735,029		
						96.449,750	96.449,750		
I							(1)	UBND thị xã Ayun Pa, UBND các huyện Chư Păh, Phú Thiện, Ia Pa, Đăk Pơ, Mang Yang, Đăk Đoa, Đúc Că, Kông Chro, Chư Puth, Chư Sê, Ia Grai, Chư Prông, Kbang	
II	Năm 2020					28.285,279	28.285,279		
I	Kè chống sạt lở bờ Tây sông Ayun đoạn qua thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	2012-2020	724/QĐ-UBND ngày 09/8/2013; 939/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 848/QĐ-UBND ngày 13/9/2017; 1043/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	412.009	64.988	235,292	235,292	UBND thị xã Ayun Pa	
2	Đường vào ba buôn xã Chư Đăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	2019-2020	383/QĐ-UBND ngày 28/6/2019; 1009/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	39.100	39.100	4.687,560	4.687,560	UBND huyện Krông Pa	

(Handwritten signature)

STT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Giảm vốn kế hoạch năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
				Tổng số	Trong đó: NSĐP				
3	Đầu tư trang thiết bị cho bệnh viện tuyến tỉnh	2018-2020	988/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 934/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	150.000	122.608	1.474,380	1.474,380	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng	
4	Trường phổ thông DTNT huyện Đức Cơ (nay là trường THCS Dân tộc nội trú huyện Đức Cơ), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ	2018-2020	308/QĐ-UBND ngày 21/4/2017	30.000	30.000	4.303,670	4.303,670	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng	
5	Nâng cấp Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Kông Chro	2018-2020	1085/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	16.000	16.000	2.812,331	2.812,331	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng	
6	Trường THCS Phú Túc, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa	2019-2020	128/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2018	14.990	14.990	3.000,000	3.000,000	UBND huyện Krông Pa	
7	Trường THPT Pleime, xã Ia Ga, huyện Chư Prông	2020	161/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; 131/QĐ-SKHĐT ngày 08/10/2019	6.000	6.000	2.584,646	2.584,646	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng	
8	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Uar, huyện Krông Pa	2019-2020	232/QĐ-UBND ngày 05/4/2016; 564/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	3.000	3.000	1.500,000	1.500,000	UBND huyện Krông Pa	

78

STT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án				Giảm vốn kế hoạch năm 2023	Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: NSDP				
				Tổng số						
9	Trường THCS Nguyễn Du, xã Cư An, huyện Đắk Pơ	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	6.000	400.000	400.000	UBND huyện Đắk Pơ		
10	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Phú An, huyện Đắk Pơ	2020	187/QĐ-UBND ngày 10/3/2017; 73/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.000	3.000	350.000	350.000	UBND huyện Đắk Pơ		
11	Trường THCS Quang Trung, xã Ayun Hạ, huyện Phú Thiện	2020	261/QĐ-UBND ngày 14/4/2016; 2234/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	3.000	3.000	937.400	937.400	UBND huyện Phú Thiện		
12	Trường THCS Kpa Klơng xã Hà Bàu, huyện Đắk Đoa	2020	500/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 154/QĐ-SKHĐT ngày 24/10/2019	12.000	12.000	4.300.000	4.300.000	UBND huyện Đắk Đoa		
13	Trường THCS Kông Bô La, xã Kông Bô La, huyện Kbang	2020	145/QĐ-UBND ngày 03/3/2017; 462/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	5.000	5.000	1.700.000	1.700.000	UBND huyện Kbang		

Ghi chú: (1) Trong tổng số 114.020 triệu đồng vốn tạm ứng cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019, đã phân bổ nguồn để thu hồi tạm ứng là 17.570,25 triệu đồng (tại Thông báo số 155/TB-HĐND ngày 25/10/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về sử dụng nguồn kinh phí còn lại trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2022 (đợt 3); Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 11/11/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về xử lý chuyển nguồn kinh phí năm 2022 sang năm 2023 (đợt 6)). Đối với số vốn này chỉ được giao vốn khi đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư công. Số vốn còn lại là 96.449,75 triệu đồng tiếp tục phân bổ trong kế hoạch vốn năm 2024 để hoàn ứng.



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	KH năm 2024			
					Tổng số	Trong đó: vốn NSTW					Tổng số			Tr.đó NSTW
	Tổng số							3,850,133	3,573,414	1,727,587	1,727,587			
A	Vốn trong nước							3,190,266	2,996,834	1,691,320	1,691,320			
A1	Các dự án theo ngành lĩnh vực							1,605,141	1,594,691	909,760	909,760			
I	Vốn chuẩn bị đầu tư							-	-	3,177	3,177			
I	Dự án phòng trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai (Tây Sơn Thương Đạo)	B	2024	178/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	50,000	50,000				3,177	3,177	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
II	Quốc phòng							81,500	81,500	58,500	58,500			
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024							81,500	81,500	58,500	58,500			
I	Khắc phục, sửa chữa Đường từ quốc lộ 14C vào Đồn Biên phòng 731, Trạm kiểm soát 383 - đồn Biên phòng 727; đường từ đường tuần tra biên giới tới các cột mốc trên địa bàn tỉnh Gia Lai	B	2022-2024	2096/QĐ-BCH ngày 28/6/2021	140,000	140,000		81,500	81,500	58,500	58,500	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh		
III	Văn hóa thông tin							-	-	12,000	12,000			
I	Dự án phòng trào nông dân Tây Sơn trên đất Gia Lai (Tây Sơn Thương Đạo)	B	2024	178/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	50,000	50,000				12,000	12,000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND tỉnh giao kế hoạch vốn cho dự án khi đảm bảo điều kiện theo Điều 53 của Luật đầu tư công.	

TT	Nguồn vốn	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Tr.đó NSTW		
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi						180,130	169,680	117,048	117,048		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024						93,330	86,230	19,000	19,000		
(1)	Các dự án Bảo vệ và phát triển rừng	B	2021-2024	496/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	424,000	127,000	93,330	86,230	19,000	19,000	Sở NN&PTNT	
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						71,600	68,250	20,000	20,000		
1	Đầu tư phát triển rừng bền vững Vườn quốc gia Kon Ka Kinh và Nâng cao năng lực PCCC rừng cho lực lượng kiểm lâm và năng lực quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	B	2022-2025	428/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 361/QĐ-SNNPTNT ngày 29/6/2021	120,000	110,000	71,600	68,250	20,000	20,000	Sở NN&PTNT	
(3)	Dự án khởi công mới năm 2024						15,200	15,200	78,048	78,048		
1	Xây dựng các hồ chứa nước và hoàn thiện thống kênh mương thủy lợi		2023-2026	420/QĐ-BQLDA ngày 17/8/2021	485,000	485,000	12,200	12,200	58,048	58,048	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai	UBND tỉnh giao kế hoạch vốn cho dự án khi đảm bảo điều kiện theo Điều 53 của Luật đầu tư công.
2	Hồ chứa nước Ia Prat, xã Ia Khuol, huyện Chư Păh	B	2021-2024	108/QĐ-KTTL ngày 28/4/2021	100,000	100,000	3,000	3,000	20,000	20,000	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai	UBND tỉnh giao kế hoạch vốn cho dự án khi đảm bảo điều kiện theo Điều 52, Điều 53 của Luật đầu tư công.

TT	Nguồn vốn	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023				KH năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Tr.đó NSTW			
					Tổng số	Trong đó: vốn NSTW									
V	Giao thông							1,342,081	1,342,081	699,035	699,035				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024							128,450	128,450	131,550	131,550				
1	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trường Chinh - Lê Thánh Tôn), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	B	2022-2024	411/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 1136/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	260,000	260,000	128,450	128,450	131,550	131,550	UBND thành phố Pleiku				
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024							1,211,221	1,211,221	547,485	547,485				
1	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai	B	2022-2025	1143/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1,200,000	900,000	554,000	554,000	200,000	200,000	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai				
2	Đường nội thị huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	1096/QĐ-UBND ngày 8/12/2021	90,000	90,000	51,580	51,580	20,000	20,000	UBND huyện Phú Thiện				
3	Đường liên xã huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	1091/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	100,000	100,000	65,322	65,322	20,000	20,000	UBND huyện Chư Păh				
4	Đường từ xã Yang Nam đi xã Chơ Long, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	558/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	100,000	100,000	26,540	26,540	20,000	20,000	UBND huyện Kông Chro				

24

TT	Nguồn vốn	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Tr.đó NSTW		
5	Đường nối từ Quốc lộ 19 (đường Quang Trung) đi đường Vành Dại phía bắc thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	12/QĐ-UBND ngày 13/01/2023	150,000	150,000	49,089	49,089	35,000	35,000	UBND thị xã An Khê	
6	Đường liên xã huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	433/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	100,000	100,000	31,650	31,650	20,000	20,000	UBND huyện Đức Cơ	
7	Đường liên xã huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	B	2023-2026	589/QĐ-UBND ngày 05/11/2022; 486/QĐ-UBND ngày 22/4/2023	120,000	120,000	32,790	32,790	20,000	20,000	UBND huyện Ia Grai	
8	Đường liên xã huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	659/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	110,000	110,000	33,350	33,350	20,000	20,000	UBND huyện Chư Prông	
9	Đường liên xã huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	781/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	100,000	100,000	31,870	31,870	20,000	20,000	UBND huyện Chư Sê	
10	Đường liên xã huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	535/QĐ-UBND ngày 02/5/2023	90,000	90,000	32,040	32,040	20,000	20,000	UBND huyện Mang Yang	
11	Đường liên xã huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	632/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	100,000	100,000	31,910	31,910	20,000	20,000	UBND huyện Đak Đoa	

TT	Nguồn vốn	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
					Tổng số	Trong đó: vốn NSTW							
12	Đường liên xã huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	718/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	90,000	90,000	30,950	30,950	20,000	20,000	UBND huyện Ia Pa		
13	Đường liên xã huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	751/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	90,000	90,000	31,270	31,270	20,000	20,000	UBND huyện Chư Puh		
14	Đường giao thông huyện Dak Pơ, tỉnh Gia Lai	B	2023-2025	1317/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	90,000	90,000	31,350	31,350	20,000	20,000	UBND huyện Dak Pơ		
15	Đường liên huyện Mang Yang - Ia Pa, đường Tỉnh 669 và đường từ thành phố Pleiku đi trung tâm huyện Dak Đoa	B	2023-2026	744/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	650,000	650,000	177,510	177,510	72,485	72,485	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai		
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2024						2,410	2,410	20,000	20,000			
1	Đường liên xã huyện Khang, tỉnh Gia Lai	B	2024-2026	734/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	135,000	135,000	2,410	2,410	20,000	20,000	UBND huyện Khang		
VI	Khu công nghiệp, khu kinh tế				-	-	1,430	1,430	20,000	20,000			
(1)	Dự án KCM năm 2024						1,430	1,430	20,000	20,000			
1	Hà tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai	B	2022-2025	75/QĐ-BOLKKT ngày 30/6/2021	100,000	100,000	1,430	1,430	20,000	20,000	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai	UBND tỉnh giao kế hoạch vốn cho dự án khi đảm bảo điều kiện theo Điều 53 Luật đầu tư công.	
A2	Chương trình mục tiêu Quốc gia						1,585,125	1,402,143	781,560	781,560		Có Biểu 4 kèm theo	

TT	Nguồn vốn	Nhóm dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		KH năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Tr.đó NSTW		
1	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						755,585	667,783	410,517	410,517		
2	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						169,673	157,780	79,328	79,328		
3	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới						659,867	576,580	291,715	291,715		
B	Vốn nước ngoài						659,867	576,580	36,267	36,267		
1	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia nông thôn mới								36,267	36,267		UBND tỉnh giao chỉ tiết kế hoạch vốn thực hiện dự án khi đảm bảo điều kiện theo Điều 53 Luật đầu tư công.

Biểu 4

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024 (vốn đầu tư phát triển)
(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT		Nội dung/dịa bàn, đơn vị	KẾ HOẠCH VỐN 03 CHƯƠNG TRÌNH				CHƯƠNG TRÌNH MTOG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI (chỉ tiết có phụ lục 4.1 kèm theo)				CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÀM NGHEO BỀN VỮNG				Ghi chú
			Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:		Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:		Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:		Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:						
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh					
		TỔNG SỐ	967.827	817.827	(1)	150.000	470.517	410.517	60.000	406.082	327.982	(2)	78.100	91.228	79.328	11.900			
I		Các địa phương	710.183	643.401		66.782	410.796	350.796	60.000	250.605	250.605		-	48.782	42.000	6.782			
1		Huyện Ia Grai	64.804	60.968		3.836	27.017	23.181	3.836	37.787	37.787								
2		Huyện Phú Thiện	51.386	39.342		12.044	28.031	15.987	12.044	23.355	23.355								
3		Huyện Kbang	49.114	38.410		10.704	36.377	25.673	10.704	12.737	12.737								
4		Huyện Ia Pa	46.447	39.259		7.188	34.830	27.642	7.188	11.617	11.617								
5		Huyện Kông Chro	84.219	76.801		7.418	29.060	28.424	636	6.377	6.377			48.782	42.000	6.782			
6		Huyện Krông Pa	37.175	34.535		2.640	33.388	30.748	2.640	3.787	3.787								
7		Huyện Chư Prông	105.242	102.450		2.792	56.361	53.569	2.792	48.881	48.881								
8		Huyện Chư Păh	40.894	38.158		2.736	25.285	22.549	2.736	15.609	15.609								
9		Huyện Chư Sê	17.506	16.010		1.496	10.250	8.754	1.496	7.256	7.256								
10		Huyện Chư Pưh	38.717	37.485		1.232	32.180	30.948	1.232	6.537	6.537								
11		Huyện Dak Đoa	43.988	43.460		528	18.108	17.580	528	25.880	25.880								
12		Huyện Đức Cơ	46.495	38.995		7.500	22.823	15.323	7.500	23.672	23.672								
13		Huyện Dak Pơ	19.150	18.370		780	14.726	13.946	780	4.424	4.424								
14		Huyện Mang Yang	49.967	44.872		5.095	37.975	32.880	5.095	11.992	11.992								
15		Thành phố Pleiku	6.372	5.919		453	1.324	871	453	5.048	5.048								
16		Thị xã An Khê	5.683	5.683		-	2.557	2.557	-	3.126	3.126								
17		Thị xã Ayun Pa	3.028	2.688		340	504	164	340	2.524	2.524								

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 03 CHƯƠNG TRÌNH				CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI (chỉ tiết có phụ lục 4.1 kèm theo)				CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG				Ghi chú
		Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:		Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:		Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:		Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:		Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		
II	Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh	102.167	97.049	5.118	59.721	59.721	-	59.721	59.721	-	-	-	42.446	37.328	5.118	Chi tiết có phụ lục 4.2 kèm theo		
1	Sở Y tế	15.721	15.721	-	15.721	15.721	-	15.721	15.721	-	-	-	-	-	-	-		
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	15.237	13.851	1.386	-	-	-	-	-	-	-	-	15.237	13.851	1.386			
3	Trường Cao đẳng Gia Lai	27.209	23.477	3.732	-	-	-	-	-	-	-	-	27.209	23.477	3.732			
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	44.000	44.000	-	44.000	44.000	-	44.000	44.000	-	-	-	-	-	-	(3)		
III	Các Chương trình, Đề án, Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt	119.210	41.110	78.100	-	-	-	-	-	-	119.210	41.110	78.100	-	-	-		
1	Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ	6.130	6.130	-	-	-	-	-	-	-	6.130	6.130	-	-	-	-		
-	Huyện Khang	6.130	6.130	-	-	-	-	-	-	-	6.130	6.130	-	-	-	-		
2	Hỗ trợ thực hiện theo chỉ đạo điểm của Trung ương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
a)	Hỗ trợ huyện Khang, tỉnh Gia Lai (huyện chỉ đạo điểm của Trung ương) phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	21.930	21.930	-	-	-	-	-	-	-	21.930	21.930	-	-	-	-		
-	Huyện Khang	21.930	21.930	-	-	-	-	-	-	-	21.930	21.930	-	-	-	-		
b)	Xây dựng thí điểm mô hình Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện	4.050	4.050	-	-	-	-	-	-	-	4.050	4.050	-	-	-	(3)		
3	Các chương trình, Đề án, Kế hoạch khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt	87.100	9.000	78.100	-	-	-	-	-	-	87.100	9.000	78.100	-	-	(4)		

Handwritten signature/initials

STT	Nội dung/dịa bàn, đơn vị	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 03 CHƯƠNG TRÌNH				CHƯƠNG TRÌNH MÔC PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI (chỉ tiết có phụ lục 4.1 kèm theo)				CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÀM NGHÈO BỀN VỮNG				Ghi chú
		Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:			Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:			Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:			Kế hoạch Năm 2024	Trong đó:			
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		
IV	Vốn nước ngoài	36.267	36.267	-	-	-	-	-	36.267	36.267	-	-	-	-	-	-	-	
1	Chương trình đầu tư phát triển y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai	36.267	36.267	-	-	-	-	-	36.267	36.267	-	-	-	-	-	-	-	(3)

Ghi chú:

(1) Gồm vốn đầu tư trong cần đổi theo tiêu chí 120 tỷ đồng; vốn xã số kiến thiết 30 tỷ đồng.

(2) Trong đó vốn xã số kiến thiết 30 tỷ đồng.

(3) Giao UBND tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn thực hiện dự án khi đảm bảo điều kiện theo Điều 53 Luật đầu tư công.

(4) Hỗ trợ huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới theo Nghị quyết số 03-NQ/DH ngày 01/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Hỗ trợ hợp tác xã theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Đối ứng thực hiện Chương trình đầu tư phát triển y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai; các Chương trình và các nhiệm vụ khác (hỗ trợ xã nông thôn mới năng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, làng nông thôn mới...); Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.



Phụ lục 4.1

PHÂN BỐ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THIEU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI NĂM 2024 (vốn đầu tư phát triển)
(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng



TT	Các đơn vị	Tổng cộng			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc			Tiêu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN		
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP
	TỔNG CỘNG (I)+(II)	470.517	410.517	60.000	55.189	34.661	20.528	122.788	88.611	34.177	210.595	210.595				
I	Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh	59.721	59.721													
1	Sở Y tế	15.721	15.721													
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	44.000	44.000													
II	Các địa phương	410.796	350.796	60.000	55.189	34.661	20.528	122.788	88.611	34.177	210.595	210.595				
1	la Grai	27.017	23.181	3.836	3.836	3.000	836	18.490	15.490	3.000	4.691	4.691				
2	Phù Thiện	28.031	15.987	12.044	1.320		1.320	7.686		7.686	9.007	9.007				
3	Kbang	36.377	25.673	10.704	3.703	2.999	704	10.000		10.000	22.374	22.374				
4	la Pa	34.830	27.642	7.188	5.024	3.000	2.024	14.550	9.550	5.000	14.228	14.228				
5	Kông Chro	29.060	28.424	636	3.308	3.000	308				24.012	24.012				
6	Krông Pa	33.388	30.748	2.640	5.640	3.000	2.640	3.690	3.690		22.058	22.058				
7	Chư Prông	56.361	53.569	2.792	5.131	2.667	2.464	26.140	26.140		24.208	24.208				

[Handwritten signature]

Phụ lục 4.1

PHÂN BỐ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THỂU SỞ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI NĂM 2024 (vốn đầu tư phát triển)
(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các đơn vị	Tổng cộng			Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP
		Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư
8	Chư Păh	25.285	22.549	2.736	6.608	4.200	2.408				17.421	17.421	
9	Chư Sé	10.250	8.754	1.496	4.498	3.002	1.496				5.550	5.550	
10	Chư Puh	32.180	30.948	1.232	4.226	2.994	1.232	21.470	21.470		6.184	6.184	
11	Đak Đoa	18.108	17.580	528	528		528				16.944	16.944	
12	Đức Cơ	22.823	15.323	7.500	1.672		1.672	10.790	5.290	5.500	9.405	9.405	
13	Đăk Pơ	14.726	13.946	780	3.613	2.997	616				10.585	10.585	
14	Mang Yang	37.975	32.880	5.095	5.906	3.802	2.104	9.972	6.981	2.991	21.397	21.397	
15	Pleiku	1.324	871	453									
16	An Khê	2.557	2.557								2.531	2.531	
17	Ayun Pa	504	164	340	176		176						

28

Phụ lục 4.1

PHÂN BỐ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN
TỔC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI NĂM 2024 (vốn đầu tư phát triển)
(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng



TT	Các đơn vị	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo năng cao chất lượng nguồn nhân lực				Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch			
		Tổng cộng Dự án 5			Tiêu dự án 1: Đối mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP		Tổng vốn	NSTW	NSDP	
			Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Tổng vốn	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư	
	TỔNG CỘNG (I)+(II)	44.000	44.000		44.000	44.000	8.964	5.295	
I	Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh	44.000	44.000		44.000	44.000			
1	Sở Y tế								
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	44.000	44.000		44.000	44.000			
II	Các địa phương					14.259	8.964	5.295	
1	la Grai								
2	Phủ Thiện					9.327	6.289	3.038	
3	Kbang								
4	la Pa					328	164	164	
5	Kông Chro					656	328	328	
6	Krông Pa								
7	Chư Prông					656	328	328	

Phụ lục 4.1

PHÂN BỐ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI NĂM 2024 (vốn đầu tư phát triển)
(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các đơn vị	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực						Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch					
		Tổng cộng Dự án 5			Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS			Tổng vốn			Tổng vốn		
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP
			Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư		Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư		Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư		Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư
8	Chư Păh							656	328		656	328	328
9	Chư Sê												
10	Chư Pưh												
11	Đak Đoa												
12	Đức Cơ							656	328		656	328	328
13	Đăk Pơ							328	164		328	164	164
14	Mang Yang												
15	Pleiku							1.324	871		1.324	871	453
16	An Khê												
17	Ayun Pa							328	164		328	164	164

28

Phụ lục 4.1

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐPT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIẢI ĐOÀN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng



TT	Các đơn vị	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em			Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN		
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP
			Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư		Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư		Vốn Đầu tư	Vốn Đầu tư
	TỔNG CỘNG (I)+(II)	15.721	15.721		7.965	7.965		7.965	7.965	
I	Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh	15.721	15.721							
1	Sở Y tế	15.721	15.721							
2	Sở Giáo dục và Đào tạo									
II	Các địa phương				7.965	7.965		7.965	7.965	
1	la Grai									
2	Phú Thiện				691	691		691	691	
3	Kbang				300	300		300	300	
4	la Pa				700	700		700	700	
5	Kông Chro				1.084	1.084		1.084	1.084	
6	Krông Pa				2.000	2.000		2.000	2.000	
7	Chư Prông				226	226		226	226	

[Handwritten signature]



Phụ lục 4.1

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐTPPT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các đơn vị	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em				Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình				Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Vốn Đầu tư	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Vốn Đầu tư	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Vốn Đầu tư
8	Chư Păh									600	600		600
9	Chư Sê					202	202			202	202		202
10	Chư Puh					300	300			300	300		300
11	Đak Đoa					636	636			636	636		636
12	Đức Cơ					300	300			300	300		300
13	Đắk Pơ					200	200			200	200		200
14	Mang Yang					700	700			700	700		700
15	Pleiku												
16	An Khê					26	26			26	26		26
17	Ayun Pa												

74

Phụ lục 4.2

KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI VÀ
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÀM NGHÈO BỀN VỮNG
(vốn đầu tư phát triển)

(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian KC và HT	Quyết định đầu tư dự án				Lũy kế vốn đã phân bổ đến hết năm 2023						Kế hoạch vốn năm 2024				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:								
					Tổng số	NSTW		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP							
	Tổng số				133.777	124.341	51.414	48.907	2.507	58.167	53.049	5.118							
I	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi				29.985	29.985	9.985	9.985	-	15.721	15.721	-							
	Dự án đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm y tế huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Huyện Kông Chro	2023-2025	568/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	29.985	29.985	9.985	9.985		15.721	15.721			Sở Y tế					
II	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				103.792	94.356	41.429	38.922	2.507	42.446	37.328	5.118							
1	Dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn của Trường Cao đẳng Gia Lai	Pleiku, An Khê, Ayun Pa	2023-2025	653/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	87.110	79.191	39.984	37.608	2.376	27.209	23.477	3.732		Trường Cao đẳng Gia Lai					
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững; Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	Các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025	123/QĐ-SKHDT ngày 31/7/2023	16.682	15.165	1.445	1.314	131	15.237	13.851	1.386		Sở Lao động-Thương binh và Xã hội					

24



Biểu 5
MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KÉO DÀI THỜI GIAN KHỎI CÔNG, HOÀN THÀNH SANG NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		KH năm 2024		Chưa đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP									
1	Các dự án tỉnh quản lý													
1	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	2021-2023	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 622/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	30.000		30.000	30.000	20.000	20.000	10.000	10.000			Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không đủ vốn bố trí năm 2023
2	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biên Hòa), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	2021-2023	486/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	124.000		124.000	124.000	82.478	82.478	41.522	41.522			Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không đủ vốn bố trí năm 2023
3	Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Đok, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	2021-2023	470/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; 588/QĐ-UBND ngày 05/11/2022; 1041/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	59.000		59.000	59.000	48.000	48.000	6.400	6.400			Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không đủ vốn bố trí năm 2023
4	Trụ sở làm việc các Ban quản lý rừng phòng hộ	2022-2023	276/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 255/QĐ-SKHDT ngày 02/12/2021	12.000		12.000	12.000	8.325	8.325	3.675	3.675			Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không đủ vốn bố trí năm 2023
5	Hạt kiểm lâm huyện Đak Đoa	2022-2023	275/QĐ-BQLDA ngày 25/6/2021; 257/QĐ-SKHDT ngày 06/12/2021; 186/QĐ-SKHDT ngày 14/11/2022	4.000		4.000	4.000	180	180	3.820	3.820			Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không đủ vốn bố trí năm 2023

TT	Nguồn vốn	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn BTC trung hạn giai đoạn 2021-2025		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2023		KH năm 2024		Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
6	Xây dựng hệ thống E-learning (học trực tuyến)	2022-2023	1095/QĐ-UBND ngày 10/8/12/2021	29.000	29.000	29.000	29.000	4.500	4.500	24.500	24.500	Sở GD&ĐT	Dự án HDND tình yêu cầu đánh giá hiệu quả sử dụng trước khi bố trí vốn tiếp theo
7	Đường phía Đông thị trấn Nhôm Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	2021-2024	488/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	70.000	70.000	70.000	70.000	35.000	35.000	35.000	35.000	UBND huyện Chư Pưh	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không đủ vốn bố trí năm 2023
II	Các dự án huyện, TX, TP quản lý												
1	Hà tầng giao thông khu đô thị An Tân; hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	2021-2023	4714/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	17.500	17.500	17.500	17.500	7.674	7.674	9.800	9.800	BQL dự án đầu tư thị xã An Khê	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không đủ vốn bố trí năm 2023
2	Hà tầng khu đô thị An Tân Hạng mục: San nền, hệ thống điện, nước	2021-2023	4524/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	23.977	23.977	23.977	23.977	2.799	2.799	21.100	21.100	BQL dự án đầu tư thị xã An Khê	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do không đủ vốn bố trí năm 2023
3	Quang trường huyện Chư Prông	2021-2023	2728/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; 186/QĐ-BQLDA ngày 25/9/2023	24.369	24.369	24.369	24.369	19.077	19.077	5.292	5.292	BQL dự án đầu tư huyện Chư Prông	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do hết thu tiền sử dụng đất năm 2023, dự án đang thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên chưa thể khởi công trong năm 2023
4	Công viên cây xanh ven hồ thị trấn Chư Prông	2021-2023	2730/QĐ-UBND ngày 29/10/2021;	14.700	14.700	14.700	14.700	206	206	14.494	14.494	BQL dự án đầu tư huyện Chư Prông	Dự án kéo dài thời gian bố trí vốn sang năm 2024 do hết thu tiền sử dụng đất năm 2023, dự án đang thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên chưa thể khởi công trong năm 2023